TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST Ngày: 26-9-2017 V/v "tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Thanh Tùng.

2. Ông Võ Thành Trung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp T3, xã B, huyện T, tỉnh Long An;

Bị đơn: Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp T3, xã B, huyện T, tỉnh Long An;

Bà L vắng mặt nhưng có đề nghị giải quyết vắng mặt, ông T1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

<u>*Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phạm Thị L*</u>: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị L xác định bà L khởi kiện yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn T1.

- Về con chung: Bà Phạm Thị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Gia H, sinh ngày 14/8/2009, bà L không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Văn T1: Ông T1 đã được Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án.

Các tình tiết của vụ án:

Nguyên đơn- bà Phạm Thị L trình bày: Bà L và ông T1 có làm lễ cưới vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Long An vào năm 2010. Trong trình chung sống bà L và ông T1 có một người con chung tên Đỗ Gia H, sinh ngày 14/8/2009. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng không thống nhất được các vấn đề trong cuộc sống gia đình và trong việc làm ăn kinh tế. Bà L đã sống ly thân với ông T1 từ tháng 01/2017 đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà L không còn tình cảm với ông T1, tình cảm gia đình không thể hàn gắn, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T1 và yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn T1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T vào năm 2010 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hoá theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc giải quyết vắng mặt bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn T1:* Xét thấy, bà L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông Đỗ Văn T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà L và ông T1.

[3] *Về hôn nhân giữa bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn T1:* Bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn T1 xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông T1 là không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, bà L và ông T1 không còn

tình cảm với nhau. Bà L và ông T1 đã sống ly thân từ tháng 01/2017. Xét thấy, ông T1 vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà L. Quá trình Tòa án giải quyết, ông T1 cũng không có hành động biểu hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, lời trình bày của bà L về tình trạng mâu thuẫn giữa bà L và ông T1 là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông T1 không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị L đối với ông Đỗ Văn T1.

[4] *Về con chung:* Bà L trình bày có một con chung tên Đỗ Gia H, sinh ngày 14/8/2009. Con chung hiện đang sống chung với ông T1. Quá trình giải quyết vụ án, bà L xác định bà L đồng ý để ông T1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Gia H, bà L không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, con chung Đỗ Gia H hiện đang sống ổn định với ông T1, ông T1 vắng mặt và không có ý kiến nào phản bác đối với đề nghị của bà L về việc nuôi dưỡng con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo điều kiện sinh sống ổn định của cháu H nên cần chấp nhận đề nghị của bà L về việc ông T1 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Gia H, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về chia tài sản chung:* Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T1 không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí:* Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với ông Đỗ Văn T1.

1. *Về hôn nhân:* Bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Đỗ Văn T1.

2. *Về con chung:* Ông Đỗ Văn T1 được quyền nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Gia H, sinh ngày 14/8/2009. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Đỗ Gia H hiện đang sống chung với ông T1.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản chung và nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. *Về án phí:* Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0003630 ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí. Bà L đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Thuận Nghĩa Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thật